

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐ - ST ngày 03/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28/6/2019 giữa:

1. Nguyên đơn : Ông Phạm Đức B, sinh năm 1963.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Nove Namsti 139, 41108 Steti, Ceska Repulika (Cộng hòa Séc) – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Trác L, thành phố H, tỉnh Hải Dương – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn ông Phạm Đức B trình bày: Ông và bà M tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/6/1986. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong việc làm kinh tế, suy nghĩ khác nhau, vợ chồng đã nhiều năm sống ly thân. Nay ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Phạm Thị Thanh P, sinh ngày 16/9/1987, Phạm Thị Thu T, sinh ngày 18/8/1993 và Phạm Đức H, sinh ngày 14/02/1995. Hiện các con đã trưởng thành, ly hôn ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại số 32 Nguyễn Trác L, phường Phạm Ngũ L, thành phố Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa ông và bà M đã thỏa thuận xong. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông B đang lao động tại Cộng hòa Séc, không về Việt Nam đề nghị giải quyết ly hôn nên ủy quyền cho anh Phạm Tuấn A nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ - Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như ông B trình bày là đúng, vợ chồng sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 1997 ông B đi lao động tại Cộng hòa Séc có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng ông B không thay đổi, dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt sống ly thân từ đó. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông B có đơn xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng bà có 3 con chung như ông B trình bày là đúng. Các con bà đã trưởng thành, ly hôn bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung: Vợ chồng bà đã thỏa thuận, ly hôn bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay bà buôn bán, bận rộn thường xuyên không ở nhà. Ly hôn bà đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Phạm Tuấn A là người được ông B ủy quyền. Quan điểm của anh Tuấn A đồng ý nhận ủy quyền của ông B, sau khi nhận các văn bản tố tụng anh Tuấn A đã thông báo cho ông B biết, quan điểm của ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà M, về con chung, tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông B được ly hôn bà M. Về án phí: Ông B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Vụ án chuyển thẩm quyền theo quyết định số 06/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương do nguyên đơn ông Phạm Văn B sinh sống và có thể định cư dài hạn tại Cộng hòa Séc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết ông B, bà M đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông B, bà M.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Đức B và bà Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/6/1986 tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Năm 1997 ông B sang Cộng hòa Séc lao động vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai bên sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông B có đơn ly hôn, bà M đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B.

- *Về con chung:* Ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị M có 3 con chung là Phạm Thị Thanh P, sinh ngày 16/9/1987, Phạm Thị Thu T, sinh ngày 18/8/1993 và Phạm Đức H, sinh ngày 14/02/1995. Hiện các con ông B bà M đã trưởng thành nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Đức B ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Ông Phạm Đức B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do anh Phạm Tuấn Anh nộp thay theo biên lai thu số AA/2016/0003411 ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương . Ông B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Đức B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền